[Mẫu số 52-DS]

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST
Ngày : 23/11/2021
V/v:"Tranh chấp về ly hôn ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ÂN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Vân;
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Minh Tấn;
2. Bà Nguyễn Thị Bích Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

Trong ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2021/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2021, về việc:*"Tranh chấp về ly hôn"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXX-HN ngày 09 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1970; nơi cư trú: thôn T, xã Ân Mỹ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Anh Tướng D (Tướng Ngọc D), sinh năm 1966; nơi cư trú: thôn T, xã Ân Mỹ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ của bên nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Chị L và anh Tướng Ngọc D (Tướng D) ở cùng thôn T, xã Ân Mỹ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định nên quen nhau; kết hôn với nhau vào năm 1989, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ân Mỹ. Vợ chồng chị L, anh D có 02 con chung tên Tướng Ngọc Đ, sinh năm 1991; Tướng Thị Hải T, sinh năm 1993.

Lý do chị L xin ly hôn: Vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, anh D thường xuyên uống say về gây cãi nhau nên không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L

được ly hôn anh Tướng Ngọc D. Về nuôi con, các con đều lớn, trên 18 tuổi tự lo cho bản thân nên chị L không yêu cầu gì. Về tài sản chung, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn, anh Tướng Ngọc D trình bày: Anh D đồng ý với trình bày của chị L về quá trình tìm hiểu, kết hôn, con chung, mâu thuẫn vợ chồng; anh D không bổ sung gì thêm. Nay anh D xác định còn thương chị L nên không đồng ý ly hôn. Về nuôi con, các con đều lớn, trên 18 tuổi tự lo cho bản thân nên anh D không yêu cầu gì; về tài sản chung, anh D không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Chị L và anh Tướng Ngọc D cùng thôn T, xã Ân Mỹ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định; kết hôn với nhau vào năm 1989, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ân Mỹ nên hôn nhân đó hợp pháp. Vợ chồng chị L, anh D có 02 con chung tên Tướng Ngọc Đ, sinh năm 1991; Tướng Thị Hải T, sinh năm 1993 đều đã trưởng thành là thực tế. Lý do chị L xin ly hôn: Vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, anh D thường xuyên uống say về gây cãi nhau nên không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn anh Tướng Ngọc D. Về nuôi con, các con đều lớn, trên 18 tuổi tự lo cho bản thân nên chị L không yêu cầu gì. Về tài sản chung, chị L không yêu cầu giải quyết.

- Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật: Tòa án thụ lý sơ thẩm vụ án và xác định đây là *"Tranh chấp về ly hôn"* quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện thủ tục giao nhận tài liệu, chứng cứ; tổ chức phiên họp tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ; hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quyền, nghĩa vụ của đương sự: Tòa án đã thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ; giải thích các quy định của pháp luật, bị đơn Tướng Ngọc D không yêu cầu phản tố. Tại phiên tòa, cả chị L, anh D đều có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn Trần Thị L.

- Về hôn nhân: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và thực tế hai người sống chung nhưng không có hạnh phúc, phần ai nấy lo. Do đó có kéo dài mối quan hệ vợ chồng giữa chị

L và anh D thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Tại Tòa án, chị L kiên quyết ly hôn với anh D là có cơ sở nên Hội dồng xét xử chấp nhận.

- Về nuôi con: Các con đã trên 18 tuổi, tự quyết định cho bản thân nên chị L không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu giải quyết.

[3]. Đối với bị đơn Tướng Ngọc D.

- Về hôn nhân: Anh D thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh D đã đến mức trầm trọng, anh D xác định còn thương chị L nên không đồng ý ly hôn, anh D yêu cầu đoàn tụ, nhưng không được chị L chấp nhận. Tại Tòa án, anh D không có chứng cứ để chứng minh cho tình cảm của anh D và chị L còn tồn tại, không thực tế nên yêu cầu xin đoàn tụ của anh D là không có cơ sở; Hội đồng xét xử không chấp nhận.

- Về nuôi con: Các con đã trên 18 tuổi, tự quyết định cho bản thân nên anh D không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Anh D không yêu cầu giải quyết.

[4]. Do vụ án không có thu thập chứng cứ, không thuộc trường hợp đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân tham gia phiên tòa nên không có bài phát biểu.

[5]. Từ các căn cứ nêu trên; Hội đồng xét xử giải quyết như sau:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị L được ly hôn anh Tướng Ngọc D.

- Về nuôi con: Các con đã trên 18 tuổi, tự quyết định cho bản thân nên các bên không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu giải quyết.

[6]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên buộc chị Loan nộp án phí.

Vì các lẽ trên; Căn cứ vào khoản 1 Điều 235, khoản 1 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 51, 56 của luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị L được ly hôn anh Tướng Ngọc D (Tướng D).

- Về nuôi con: Các con đã trên 18 tuổi, tự quyết định cho bản thân nên các bên không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm ly hôn:

- Chị Trần Thị L nộp 300.000 đồng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010367 ngày 05/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân.

3. Các bên đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Luu HSVA.

TM. HỘI DỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Vân